

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 152 /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO

Về việc rà soát, đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động; đề xuất quy hoạch các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Công văn số 1964/BTNMT-TCCB ngày 20/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, về việc quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường. Sau khi tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng về tổ chức và hoạt động của các đơn vị trên địa bàn; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, như sau:

I. Đặc điểm tình hình chung của tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, Phía Bắc giáp với tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây Nam giáp tỉnh Đắk Nông, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, phía Tây giáp với tỉnh Đắk Nông và Vương quốc Campuchia.

Đắk Lắk có tổng diện tích đất tự nhiên là 1.312.537 ha, bao gồm: Đất nông nghiệp 1.137.842 ha (trong đó có 202.022 ha đất trồng cà phê, 37.198 ha đất trong cao su), đất phi nông nghiệp 103.181 ha, đất chưa sử dụng 71.513 ha; với 15 đơn vị hành chính cấp huyện (bao gồm: thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện) và 184 đơn vị hành chính cấp xã. Dân số tỉnh Đắk Lắk hiện nay có 1,8 triệu người với 44 dân tộc anh em.

II. Thực trạng tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh

1. Về số lượng các đơn vị sự nghiệp

Hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 35 đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường, trong đó:

- Cấp tỉnh: Có 5 đơn vị, gồm Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường, Trung tâm Kỹ thuật địa chính trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh trực thuộc UBND tỉnh.

- Cấp huyện: có 15/15 Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và 15/15 Trung tâm Phát triển quỹ đất (Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M'Đrăk mới được thành lập năm 2015).

2. Về chức năng, nhiệm vụ:

2.1. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất tỉnh:

- **Chức năng:** Tổ chức thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý biến động về sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng và quản lý hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

- **Nhiệm vụ quyền hạn:** Thực hiện các thủ tục về cấp giấy chứng nhận; đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý biến động về đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Quản lý, lưu trữ, chỉnh lý toàn bộ hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu thuộc tính địa chính đối với tất cả các thửa đất trên địa bàn tỉnh; Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu địa chính và phát triển hệ thống thông tin đất đai. Cung cấp số liệu địa chính cho cơ quan chức năng xác định mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai và tài sản khác gắn liền với đất đối với người sử dụng, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Lưu trữ, quản lý bản lưu, bản sao giấy chứng nhận và các giấy tờ khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Thực hiện trích đo địa chính thửa đất, khu đất và tài sản gắn liền với đất; kiểm tra chất lượng tài liệu trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất cung cấp trước khi sử dụng, quản lý. Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, huyện, và tỉnh. Cung cấp bản đồ trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính và các thông tin khác về đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của cộng đồng. Thực hiện việc thu phí, lệ phí và các dịch vụ về cung cấp thông tin đất đai, tài sản gắn liền với đất, trích đo địa chính thửa đất, khu đất, trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật. Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản thuộc Văn phòng theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao.

b. Trung tâm công nghệ thông tin

Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30/01/2011 của liên Bộ: Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ, về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Công nghệ Thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c. Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường

Là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản riêng theo quy định hiện hành.

Thực hiện quan trắc, phân tích môi trường theo nhiệm vụ được giao; quan trắc và phân tích các chỉ tiêu hóa, lý, kim loại nặng, hoá chất bảo vệ thực vật; quan trắc và phân tích để phục vụ công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn toàn tỉnh phục vụ công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường; tổng hợp, xử lý số liệu, phân tích hiện trạng môi trường hàng năm, đề xuất kiến nghị các phương án, giải pháp xử lý, phòng ngừa việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Lập báo cáo hiện trạng môi trường hàng năm; báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án kinh tế xã hội, các nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh có hoạt động ảnh hưởng đến môi trường. Dịch vụ quan trắc và Phân tích môi trường; lập báo cáo giám sát về môi trường sau thẩm định. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng triển khai các công nghệ tiên tiến vào việc đo đạc đánh giá ô nhiễm môi trường; chuyển giao công nghệ xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài tỉnh. Tham gia công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ môi trường; truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng. Phối hợp với các cơ quan Trung ương và các tổ chức có liên quan triển khai thực hiện một số dự án về môi trường bao gồm: quy hoạch môi trường gắn với phát triển kinh tế xã hội ở từng giai đoạn đảm bảo phát triển bền vững; thực hiện điều tra cơ bản đánh giá chất lượng tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, đa dạng sinh học và các dự án khác. Quản lý tài sản, tài chính, biên chế và lao động theo phân cấp. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả hoạt động của Trung tâm theo quy định; xây dựng cơ sở thông tin dữ liệu về ô nhiễm môi trường làm cơ sở cho việc xây dựng các chính sách phòng ngừa và bảo vệ môi trường. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao.

d. Trung tâm Kỹ thuật địa chính

Là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí. Với chức năng, nhiệm vụ: Khảo sát đo đạc, lập bản đồ địa chính; quy hoạch sử dụng đất đai; lập Luận chứng kinh tế kỹ thuật, đăng ký thống kê đất đai, lập hồ sơ địa chính và các dịch vụ địa chính khác; thiết kế khai hoang xây dựng đồng ruộng.

2.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

a. Chức năng: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh; Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các trường hợp Nhà nước thu hồi đất sau quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quản lý quỹ đất thuộc khu vực đô thị, khu vực đã có quy hoạch phát triển đô thị mà Nhà nước đã thu hồi nhưng chưa giao, chưa cho

thuê; Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản để hoạt động; Làm chủ đầu tư các dự án trên quỹ đất do Trung tâm quản lý; Tổ chức hoạt động dịch vụ thuộc các lĩnh vực: đo đạc bản đồ, lập phương án và tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; giao dịch bất động sản.

b. Nhiệm vụ và quyền hạn: Lập phương án về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Xây dựng phương án tổng thể, chi tiết về bồi thường, hỗ trợ giải tỏa và triển khai thực hiện công tác công tác bồi thường giải tỏa, tái định cư đối với các dự án chưa xác định chủ đầu tư hoặc có chủ đầu tư mà uỷ ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị. Quản lý quỹ đất nhà nước đã thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất đối với các trường hợp sau: Quỹ đất thu hồi sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chưa có công trình, dự án cụ thể; Quỹ đất nhà nước thu hồi theo Luật đất đai đối với đất thuộc khu đô thị và khu vực đã có quy hoạch phát triển đô thị; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển đi nơi khác trước khi nhà nước có quyết định thu hồi. Được ký hợp đồng kinh tế với các nhà đầu tư để giúp các nhà đầu tư thoả thuận với các chủ sử dụng đất về việc nhận chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, để triển khai dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Giới thiệu địa điểm đầu tư, vận động đầu tư vào quỹ đất được Nhà nước giao cho Trung tâm quản lý; Lập kế hoạch sử dụng đất được giao để quản lý, trình uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Bàn giao đất do Trung tâm đang quản lý cho người được giao đất, cho thuê đất theo quyết định của uỷ ban nhân dân tỉnh. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu công trình cơ sở hạ tầng theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với đất được nhà nước giao cho Trung tâm quản lý. Thu các khoản thu theo quy định của nhà nước. Sử dụng quỹ đất được giao quản lý làm quỹ đất dự trữ để điều tiết các nhu cầu về đất theo quyết định của uỷ ban nhân dân tỉnh, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt. Tổ chức lập dự án đầu tư, kêu gọi đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng các dự án tạo quỹ đất gồm: khu tái định cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất trong vùng dự án do Trung tâm quản lý. Tổ chức khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính. Quản lý cán bộ viên chức, người lao động, quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Chủ động làm việc với uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị quản lý, các Sở, ngành chức năng để được hướng dẫn và tự tìm kiếm quỹ đất, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền thoả thuận bằng văn bản giao cho Trung tâm quản lý để phát triển khu dân cư, khu đô thị, khu đất chuyên dùng. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2.3. Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện

a. Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất

- **Chức năng:** Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện. Có chức năng tổ chức thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý biến động về sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng và quản lý hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

- **Nhiệm vụ, quyền hạn:** Thực hiện các thủ tục về cấp giấy chứng nhận trên địa bàn đối với hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý biến động về đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Lưu trữ, quản lý và chỉnh lý toàn bộ hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu thuộc tính địa chính đối với tất cả các thửa đất trên địa bàn cấp huyện; gửi thông báo chỉnh lý biến động cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền; kiểm tra việc cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân cấp xã. Cung cấp số liệu địa chính cho cơ quan chức năng xác định mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai và tài sản khác gắn liền với đất đối với người sử dụng, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Lưu trữ, quản lý bản lưu, bản sao giấy chứng nhận và các giấy tờ khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Thực hiện trích đo địa chính thửa đất, khu đất và tài sản gắn liền với đất; kiểm tra chất lượng tài liệu trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất cung cấp trước khi sử dụng, quản lý. Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện và cấp xã. Cung cấp trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính và các thông tin khác về đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của cộng đồng. Thực hiện việc thu phí, lệ phí và các dịch vụ về cung cấp thông tin đất đai, tài sản gắn liền với đất, trích đo địa chính thửa đất, khu đất, trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật. Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản thuộc Văn phòng theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường giao.

b. Trung tâm Phát triển quỹ đất

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện. Tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và ổn định thị trường bất động sản; nhận

chuyển nhượng quyền sử dụng đất; phát triển các khu tái định cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên đất; đấu giá quyền sử dụng đất; đấu thầu dự án có sử dụng đất; quản lý quỹ đất đã thu hồi, đã nhận chuyển nhượng, đã tạo lập, phát triển và thực hiện dịch vụ trong lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Về tổ chức bộ máy:

3.1. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất tỉnh: gồm có Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 4 bộ phận (Bộ phận hành chính tổng hợp; Bộ phận Đăng ký quyền sử dụng đất và giao dịch bảo đảm; Bộ phận đo đạc bản đồ; Bộ phận thông tin, lưu trữ).

b. Trung tâm công nghệ thông tin: Gồm có Giám đốc, không quá 02 Phó giám đốc và 03 Bộ phận (Hành chính - Tổng hợp; Bộ phận Tin học; Bộ phận Lưu trữ).

c. Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường: Gồm có Giám đốc, không quá 02 Phó giám đốc và 04 phòng chức năng: Phòng Hành Chính - tổng hợp, Phòng Kế hoạch Tài chính, phòng Quan trắc môi trường, phòng Phân tích môi trường.

d. Trung tâm Kỹ thuật địa chính: gồm Giám đốc, 01 Phó giám đốc; phòng Hành chính - kế toán và 2 đội sản xuất.

3.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

Gồm có Giám đốc, 2 Phó Giám đốc và 5 phòng chuyên môn (Phòng Tổng hợp; Phòng Quản lý dự án; Phòng Kinh tế - Kế hoạch; Phòng Quản lý và Khai thác quỹ đất; Phòng Dịch vụ).

3.3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện

a. Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất

Nhìn chung cơ cấu tổ chức bộ máy của Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất cấp huyện, gồm có: Lãnh đạo Văn phòng (Giám đốc và có từ 01 đến 02 Phó Giám đốc); Các bộ phận: Hành chính - Tổng hợp; Đăng ký quyền sử dụng đất và Giao dịch bảo đảm; Thông tin lưu trữ địa chính.

b. Trung tâm Phát triển quỹ đất

Nhìn chung cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm phát triển quy đất cấp huyện, gồm có: Lãnh đạo Trung tâm (Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); Các bộ phận: Hành chính - Tổng hợp; Khai thác quỹ đất và Quản lý quỹ đất.

4. Về nguồn nhân lực:

(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm)

5. Về cơ sở vật chất, tài chính:

5.1. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

Có trụ Sở làm việc riêng nằm trong khuôn viên của Sở (riêng Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường được UBND tỉnh giao đất và xây dựng ngoài khuôn viên Sở Tài nguyên và Môi trường), nhà xây cấp 3 với tổng diện tích sàn xây dựng 2670 m², có trang thiết bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng được việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị, gồm: máy đo đạc, máy vi tính, máy Server, máy in (A0, A3, A4), máy photocopy, máy quét và GPS. Riêng đối với Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường đầu tư trang thiết bị phòng phân tích môi trường với tổng kinh phí 15 tỷ đồng và địa phương 02 xe quan trắc nước tự động di động, khí tự động di động với tổng kinh phí 29 tỷ đồng.

5.2. Đối với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính đảm bảo cho đơn vị hoạt động theo yêu cầu nhiệm vụ. Riêng trụ sở làm việc còn tạm bợ, UBND tỉnh đã có quyết định giao đất, tuy nhiên chưa bố trí được kinh phí để xây dựng.

5.3. Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện:

Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính đảm bảo cho các đơn vị hoạt động và cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Hiện nay trụ Sở làm việc và kho lưu trữ của các đơn vị nằm trong trụ sở làm việc của UBND cấp huyện, có từ 02 đến 03 phòng làm việc với diện tích sử dụng trung bình từ 70 đến 90 m². Riêng đối với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Buon Ma Thuột, huyện Ea Súp và huyện Krông Bông đã có trụ Sở làm việc.

(Chi tiết có Phụ lục 02 đính kèm)

6. Về cơ chế hoạt động:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường, Văn phòng ĐKQSD đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh; Trung tâm phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện là đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ và tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Nguồn kinh phí hoạt động của các đơn vị được cấp trong kế hoạch kinh phí sự nghiệp hàng năm của Nhà nước và nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Đối với Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động.

- Đối với Trung tâm Kỹ thuật Địa chính là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được UBND tỉnh giao tự chủ toàn bộ về biên chế và tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Kết quả hoạt động:

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh hiện nay hoạt động ổn định, đã phát huy hiệu quả, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho viên chức và người lao động.

Tuy nhiên bên cạnh đó, Trung tâm Kỹ thuật địa chính trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường từ sau năm 2009 đến nay hoạt động không hiệu quả, nhiều công trình, dự án về đo đạc, thành lập bản đồ địa chính và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở giao, cũng như các công trình hợp đồng dịch vụ với các đơn vị, tổ chức ngoài cơ quan thực hiện kéo dài, không hoàn thành, không thanh quyết toán được hợp đồng, nguồn thu tài chính hàng năm thấp, nhiều năm liền đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ.

8. Thu nhập của viên chức và người lao động

Thu nhập của viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, nhìn chung được đảm bảo theo chế độ tiền lương và các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, chế độ tiền lương hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, do đó đời sống của viên chức và người lao động còn nhiều khó khăn. *(Chi tiết có Phụ lục 02 đính kèm)*

III. Dự báo xu thế xã hội hoá các hoạt động dịch vụ sự nghiệp liên quan đến ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh

Xu hướng xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp liên quan đến ngành tài nguyên và môi trường sẽ ngày càng phát triển và mở rộng. Trong đó có một số lĩnh vực sẽ tiếp tục được xã hội hóa mạnh như: đo đạc bản đồ, quan trắc môi trường, đấu giá quyền sử dụng đất, thu gom, xử lý chất thải, thăm dò khoáng sản... do đó ngày càng có nhiều đơn vị tư vấn tư nhân đủ năng lực chuyên môn, tài chính để tham gia vào lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ngành tài nguyên và môi trường, qua đó nâng cao được chất lượng sản phẩm, hạ giá thành đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu xã hội.

IV. Xác định danh mục dịch vụ sự nghiệp công liên quan đến ngành tài nguyên và môi trường

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

Thực hiện theo Quyết định số 2370/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công về tài nguyên và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thực hiện xã hội hoá

- Hoạt động đo đạc và bản đồ.
- Đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Quan trắc, giám sát môi trường; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ môi trường; Thu gom, xử lý chất thải rắn.

V. Đề xuất phương án quy hoạch các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

1. Phương án quy hoạch đến năm 2020

Các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đều trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, bao gồm:

- Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường (nay là Trung tâm Công nghệ thông tin): là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động;

- Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường (nay là Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường): là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên;

- Văn phòng Đăng ký đất đai: gồm có trụ sở chính đặt trong Sở Tài nguyên và Môi trường và 15 Chi nhánh tại 13 huyện, thị xã Buôn Hồ và Thành phố Buôn Ma Thuột. Là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên;

- Trung tâm Phát triển quỹ đất: có trụ sở chính đặt tại thành phố Buôn Ma Thuột và 15 Chi nhánh tại 13 huyện, thị xã Buôn Hồ và Thành phố Buôn Ma Thuột. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên.

2. Định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục giữ nguyên cơ cấu tổ chức như giai đoạn đến năm 2020 và phát huy chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể, bao gồm:

+ Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường;

+ Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;

+ Văn phòng Đăng ký đất đai: gồm có trụ sở chính và 15 Chi nhánh tại 13 huyện, thị xã Buôn Hồ và Thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Trung tâm Phát triển quỹ đất: có trụ sở chính và 15 Chi nhánh tại 13 huyện, thị xã Buôn Hồ và Thành phố Buôn Ma Thuột.

- Tăng cường cơ chế tự chủ về tổ chức, biên chế và kinh phí hoạt động; đẩy mạnh hoạt động dịch vụ công không sử dụng kinh phí nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường.

VI. Giải pháp thực hiện

- Thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường.

- Chú trọng các danh mục cần xã hội hóa để điều chỉnh vị trí, chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp, nhằm tinh giản biên chế, bảo đảm bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.

VII. Kiến nghị, đề xuất

Hiện nay Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/4/2015. Để có cơ sở triển khai thực hiện đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường, đề nghị các Bộ, ngành Trung ương trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường theo hướng tăng cường phân cấp và thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao hơn cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

Nơi nhận: 

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ;
Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, TH, NN & MT. Tg 45

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Dham Enuoi

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 02

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG; THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA VIỆN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐẮK LẮK
(Đính kèm báo cáo số 452./BC-UBND ngày 16./1./2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Nội dung	Tổng số	Năm				
			Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Kinh phí hoạt động	141510042471	16307552139	23905214498	29878561737	32225439515	39193274582
1	VP DKQSD đất - Sở Tài nguyên và Môi trường	9078962487	1731307235	1502219149	955747712	1994616309	2895072082
2	TT. Công nghệ TT- Sở Tài nguyên và Môi trường	2226000000	367000000	369000000	427000000	472000000	591000000
3	TT. Quan trắc và Phân tích Mtr- Sở Tài nguyên và Môi trường	4491600000	367000000	784000000	917000000	1156000000	1267600000
4	TT. Kỹ thuật địa chính- Sở Tài nguyên và Môi trường						
5	TT Phát triển quỹ đất tỉnh	12374000000	16540000000	21860000000	24970000000	26690000000	33680000000
6	VP DKQSD đất - TP. Buôn Ma Thuột	7598884000	875319000	1180000	2248322000	2543428000	1930635000
7	TT Phát triển quỹ đất - TP. Buôn Ma Thuột	21160000000	32360000000	46980000000	44690000000	44230000000	43340000000
8	VP DKQSD đất - TX Buôn Hồ	5603530000	887504000	912970000	12806000000	1100127000	14223290000
9	TT Phát triển quỹ đất - TX Buôn Hồ	6147212000	515057000	700203000	1117514000	759732000	3054706000
10	VP DKQSD đất - H. Cư Kuin	20439900000	2760000000	337990000	435000000	463000000	532000000
11	TT Phát triển quỹ đất - H. Cư Kuin	1315960000	213960000	213960000	290000000	387000000	425000000
12	VP DKQSD đất - H. Krông Ana	1863498000	325935000	325935000	325935000	357738000	527955000
13	TT Phát triển quỹ đất - H. Krông Ana	2963983000	233880000	443589000	450751000	496572000	804482000
14	VP DKQSD đất - H. Lắk	2429274000					
15	TT Phát triển quỹ đất - H. Lắk	1176000000					
16	VP DKQSD đất - H. Krông Bông	1463550000	149000000	215930000	263000000	390620000	445000000
17	TT Phát triển quỹ đất - H. Krông Bông	1698196000		366365000	336484000	470670000	524677000
18	VP DKQSD đất - H. Krông Búk	1657995554	167095966	258718621	380771907	424439820	426969240
19	TT Phát triển quỹ đất - H. Krông Búk	1752361154	309082548	450215489	412708562	281957397	298397158

20	VP BKQSD đất - H.Krông Năng	2668926000	270966000	320789000	481318000	447387000	1148466000
21	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Năng	2184000000	887504000	912970000	1280600000	1100127000	1422329000
22	VP BKQSD đất - H.Krông Pắc	5603530000	4256983000	247191000	1448936000	1284458000	1276398000
23	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Pắc	6091210000	729308000	1409165000	1262847000	1294645000	1395245000
24	VP BKQSD đất - H.Ea Kar	3214000000		620000000	885000000	809000000	900000000
25	TT Phát triển quỹ đất - H.Ea Kar	6072279000	785584000	1054162000	1360367000	1313150000	1559016000
26	VP BKQSD đất - H.Ea H'leo	1624500000		298800000	384200000	450500000	491000000
27	TT Phát triển quỹ đất - H.Ea H'leo	5399276276	766342390	838765239	1132046556	1302729989	1359392102
28	VP BKQSD đất - H.Cư Mgar	2473000000	157000000	379000000	403000000	601000000	933000000
29	TT Phát triển quỹ đất - H.Cư Mgar	2795885000	396325000	369418000	705174000	754718000	570250000
30	VP BKQSD đất - H.Buôn Đôn	2273994000		278029000	600268000	656497000	739200000
31	TT Phát triển quỹ đất - H.Buôn Đôn	2183755000	274300000	336155000	522399000	490133000	560768000
32	VP BKQSD đất - H.Ea Súp	2318641000	55441000	417944000	512794000	646417000	686045000
33	TT Phát triển quỹ đất - H.Ea Súp	5305067000	890601000	1783490000	588818000	807809000	1234349000
34	VP BKQSD đất - H.M'Đrăk						
35	TT Phát triển quỹ đất - H.M'Đrăk						
Thành lập năm 2015							
II	Thu nhập bình quân của viên chức và người LĐ	5627446258	661644421	973458167	1167026566	1378136015	1447181089
1	VP BKQSD đất - Sở Tài nguyên và Môi trường	229700000	36000000	46500000	45200000	46600000	55400000
2	TT. Công nghệ TT - Sở Tài nguyên và Môi trường	165750000	22300000	30400000	33800000	39200000	40050000
3	TT. Quan trắc và Phân tích Mtr - Sở Tài nguyên và Môi trường	195600000	30000000	33600000	36000000	42000000	54000000
4	TT. KỸ thuật địa CHIMH - Sở Tài nguyên và Môi trường						
5	TT Phát triển quỹ đất tỉnh	113760000	24000000	27600000	30000000	36000000	48000000
6	VP BKQSD đất - TP.Buôn Ma Thuột	175436000	25700000	35000000	35000000	38221000	41515000
7	TT Phát triển quỹ đất - TP.Buôn Ma Thuột	210770000	44060000	43260000	42190000	43480000	37780000
8	VP BKQSD đất - TX Buôn Hồ	134156632	16062632	25694000	26000000	33200000	33200000
9	TT Phát triển quỹ đất - TX Buôn Hồ	170400000	30000000	33600000	34800000	36000000	36000000
10	VP BKQSD đất - H.Cư Kuin	168080000	21212000	26878000	36869000	41264000	41857000
11	TT Phát triển quỹ đất - H.Cư Kuin	111200000		22600000	29000000	29000000	30600000
12	VP BKQSD đất - H.Krông Ana	189152048	37018000	37018000	37018000	40047000	38051048
13	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Ana	201129525		42426000	46488000	54776925	57438600
14	VP BKQSD đất - H.Lăk	123600000	18000000	18000000	24000000	30000000	33600000

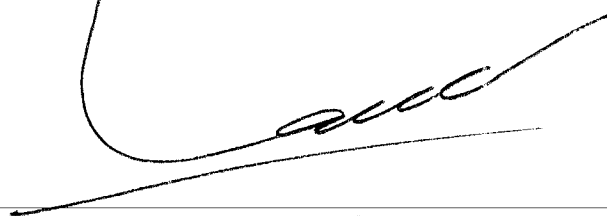
15	TT Phát triển quỹ đất - H.Lắk	87600000			24000000	30000000	33600000
16	VP ĐKQSD đất - H.Krông Bông	158400000	29400000	31200000	31800000	31800000	34200000
17	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Bông	141528000		26976000	34056000	40080000	40416000
18	VP ĐKQSD đất - H.Krông Búk	119663134	13924664	21559885	25384794	28295988	30497803
19	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Búk	158859654	19702493	26060322	32777959	38003277	42315603
20	VP ĐKQSD đất - H.Krông Năng	161199000	30442000	34968000	26958000	32584000	36247000
21	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Năng	242000000		22000000	44000000	99000000	77000000
22	VP ĐKQSD đất - H.Krông Păk	134058265	16062632	25694960	25891813	33192825	33216035
23	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Păk	113244000		22680000	28800000	31728000	30036000
24	VP ĐKQSD đất - H.Ea Kar	192000000	31200000	36000000	37200000	42000000	45600000
25	TT Phát triển quỹ đất - H.Ea Kar	136270000		21480000	36800000	38510000	39480000
26	VP ĐKQSD đất - H.Ea H'leo	202614000	35430000	35159000	38495000	43629000	49901000
27	TT Phát triển quỹ đất - H.Ea H'leo	148800000		27600000	37200000	40800000	43200000
28	VP ĐKQSD đất - H.Cư Mgar	215225000	31140000	35835000	48620000	49730000	49900000
29	TT Phát triển quỹ đất - H.Cư Mgar	181160000	29160000	31000000	38000000	40000000	43000000
30	VP ĐKQSD đất - H.Buôn Đôn	144840000	22000000	23500000	31560000	33220000	34560000
31	TT Phát triển quỹ đất - H.Buôn Đôn	158160000		33600000	39600000	42120000	42840000
32	VP ĐKQSD đất - H.Ea Súp	218373000	27430000	33615000	52239000	49013000	56076000
33	TT Phát triển quỹ đất - H.Ea Súp	264718000	38400000	41794000	51279000	64641000	68604000
34	VP ĐKQSD đất - H.M'Đrăk	260000000	33000000	45000000	53000000	60000000	69000000
35	TT Phát triển quỹ đất - H.M'Đrăk	Thành lập năm 2015					

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Văn Hoàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC



Bùi Thanh Lam

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ LƯƠNG, CHẤT LƯỢNG VIỆN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐẮK LẮK, TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
(Đính kèm báo cáo số 452./BC-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Phụ lục 03

Đơn vị tính: người

TT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Trong đó		Chia theo ngành		Chia theo trình độ đào tạo		Chia theo tuổi
			Nữ	Tổng số CB, CC, VC hiện có	Chuyên môn	Tin học	Chinh trị	Tin học	
1		2							
1	Viện chức	277	70	264	14	0	208	26	37
1	VP ĐKQSD đất - Sở Tài nguyên và Môi trường	16	5	14	2	1	8	2	18
2	TT. Công nghệ TT- Sở Tài nguyên và Môi trường	11	3	6	4	2	5	3	3
2	TT. Quan trắc và Phân tích Mtr- Sở Tài nguyên và Môi trường	23	6	22	5	0	19	2	1
3	Mtr- Sở Tài nguyên và Môi trường	23	6	22	5	0	18	2	1
4	TT. Kỹ thuật địa chính- Sở Tài nguyên và Môi trường	15	3	15	8	6	7	9	1
4	Tài nguyên và Môi trường	31	8	28	4	24	22	27	2
5	TT Phát triển quỹ đất tỉnh	31	17	1	2	23	3	6	2
6	VP ĐKQSD đất - TP. Buôn Ma Thuột	5	5	5	5	5	5	5	5
7	TT Phát triển quỹ đất - TP. Buôn Ma Thuột	13	11	11	1	10	11	8	1
8	VP ĐKQSD đất - TX Buôn Hồ	7	7	7	7	7	7	7	7

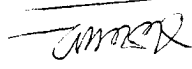
TT	Tên đơn vị	Trong đó		Chia theo ngành		Chia theo trình độ đào tạo	
		Chuyên môn	Tin học	Chinh trị	Tin học	Chia theo tuổi	Chia theo tuổi
1							
2							
9	TT Phát triển quỹ đất - TX	7	7	7	7	7	7
10	VP ĐKQSD đất - H.CƯ	7	7	7	7	7	7
11	TT Phát triển quỹ đất - H.CƯ	5	5	5	5	5	5
11	TT Phát triển quỹ đất - H.CƯ	5	5	5	5	5	5
12	VP ĐKQSD đất - H.Krông	13	13	13	13	13	13
12	Ana	8	8	8	8	8	8
13	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Ana	5	5	5	5	5	5
14	VP ĐKQSD đất - H.Lắk	5	5	5	5	5	5
15	TT Phát triển quỹ đất - H.Lắk	6	6	6	6	6	6
16	VP ĐKQSD đất - H.Krông	7	7	7	7	7	7
17	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Bông	6	6	6	6	6	6
18	VP ĐKQSD đất - H.Krông Búk	5	5	5	5	5	5
19	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Búk	6	6	6	6	6	6
20	VP ĐKQSD đất - H.Krông Năng	6	6	6	6	6	6
21	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Năng	6	6	6	6	6	6
22	VP ĐKQSD đất - H.Krông Pắk	10	10	10	10	10	10

TT	Tên đơn vị	2	Trong đó		Chia theo ngành		Chia theo trình độ đào tạo																																
			Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Nhân viên	Chuyên môn	Tin học	Ngại ngữ																															
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37		
23	TT Phát triển quỹ đất - H. Ea Kar	6	5	4	3	2																																	
24	VP ĐKQSD đất - H. Ea Kar	8	8	6	5	3																																	
25	TT Phát triển quỹ đất - H. Ea Kar	6	6	4	1	4																																	
26	VP ĐKQSD đất - H. Ea Kar	6	6	5	2																																		
27	TT Phát triển quỹ đất - H. Ea H'leo	3	3	3		2																																	
28	VP ĐKQSD đất - H. Cư M'gar	7	7	2	5	1																																	
29	TT Phát triển quỹ đất - H. Cư M'gar	10	7	2	7	1	7																																
30	VP ĐKQSD đất - H. Buôn Đôn	6	3	0	3	0	0																																
31	TT Phát triển quỹ đất - H. Buôn Đôn	6	6	1	3	1																																	
32	VP ĐKQSD đất - H. Ea Súp	2	2	2		2																																	
33	TT Phát triển quỹ đất - H. Ea Súp	5	5	1	3	0																																	
34	VP ĐKQSD đất - H. M. Đrăk	4	4	1	2	2																																	
35	TT Phát triển quỹ đất - H. M. Đrăk	5	5	2	2																																		
II	Hợp đồng lao động	286	98	52	17	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	VP ĐKQSD đất - Sơ Tai	15	4	4																																			
2	TT. Công nghệ TT - Sơ Tai																																						
	nguyên và Môi trường																																						
	nguyên và Môi trường																																						

TT	Tên đơn vị	Chia theo ngành		Chia theo trình độ đào tạo		Chứng chỉ tiếng dân tộc		
		Trong đó	Tổng số CB, CC, VC hiện có	Chuyên môn	Chia theo trình độ đào tạo			
1	Tổng số biên chế được giao	Nữ	2	3	3	37		
3			20	10	2	0	0	2
3			Mr- Sở Tài nguyên và Môi trường	2	0	0	0	2
3			TT. Quan trắc và Phân tích	2	0	0	0	2
4			TT. Kỹ thuật địa chính- Sở	7	1	1	3	2
4			Tại nguyên và Môi trường	7	1	1	3	2
5			TT Phát triển quỹ đất tỉnh	3	1	1	3	2
6			VP BKQSD đất - TP. Buôn	24	10	7	10	7
6			Ma Thuột	24	10	7	10	7
7			TT Phát triển quỹ đất - TP. Buôn	57	24	8	2	20
7			TP. Buôn Ma Thuột	57	24	8	2	20
8			VP BKQSD đất - TX Buôn	14	6	2	1	9
8			Hồ	14	6	2	1	9
9			TT Phát triển quỹ đất - TX	7	2	2	4	2
9			Buôn Hồ	7	2	2	4	2
10			VP BKQSD đất - H. Cư	5	2	1	2	4
10	Kiuan	5	2	1	2	4		
11	TT Phát triển quỹ đất -	3				3		
11	H. Cư Kuin	3				3		
12	VP BKQSD đất - H. Krông	0				0		
12	Ana	0				0		
13	TT Phát triển quỹ đất -	0				0		
13	H. Krông Ana	0				0		
14	VP BKQSD đất - H. Lắk	4	2	1	1	3		
14	TT Phát triển quỹ đất -	4	2	1	1	3		
15	H. Lắk	4	2	1	1	3		
15	TT Phát triển quỹ đất -	2	1	1	1	1		
16	VP BKQSD đất - H. Krông	2	1	1	1	1		
16	Bông	2	1	1	1	1		

TT	Tên đơn vị	2	Trong đó		Chia theo ngành		Chia theo trình độ đào tạo	
			Nữ	Tổng số CB, CC, VC hiện có	Chuyên môn	Tin học	Chia theo trình độ đào tạo	Chia theo trình độ đào tạo
1		2						
17	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Bông	4	1	4	2	2	3	31
18	VP ĐKQSD đất - H.Krông Búk	9	4	9	2	8	7	30
19	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Búk	7	4	6	3	5	1	31
20	VP ĐKQSD đất - H.Krông Năng	18	4	17	10	18	11	32
21	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Năng	1		1	1	1	1	33
22	VP ĐKQSD đất - H.Krông Pắk	1	1	1	1	1	1	34
23	TT Phát triển quỹ đất - H.Krông Pắk	4	3	4	2	4	4	35
24	VP ĐKQSD đất - H.Ea Kar	11	3	7	6	10	11	36
25	TT Phát triển quỹ đất - H.Ea Kar	11	1	9	8	11	8	37
26	VP ĐKQSD đất - H.Ea Hleo	11	3	10	5			
27	TT Phát triển quỹ đất - H.Ea Hleo	4	1	2	3	4	3	
28	VP ĐKQSD đất - H.Cư Mgar	10	1	6	8	4	3	
29	TT Phát triển quỹ đất - H.Cư Mgar	3	1	1	2	2	2	
30	VP ĐKQSD đất - H.Buôn Đôn	8	3	3	2	4	2	

Nguyễn Văn Hoàng



NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Thanh Lam

SỞ TẠI NGUYỄN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỌC



TT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số CB, CC, VC hiện có	Trong đó		Chia theo ngành	Chia theo trình độ đào tạo																																	
				Nữ	Đảng viên																																			
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37			
31	TT Phát triển quỹ đất - H. Ea Súp	H. Buon Đôn	3	2	1	1	1	2	1	1	2	1	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37		
32	VP DKQSD đất - H. Ea Súp		8	4	3	1	8		8													1																		
33	TT Phát triển quỹ đất - H. Ea Súp		5	2	1																			2																
34	VP DKQSD đất - H. M. Đrăk		5	2	1																																			
35	TT Phát triển quỹ đất - H. M. Đrăk		0																																					
Tổng số			277	168	205	35	16	2	25	348	136	39	0	13	353	49	120	15	0	18	27	143	19	402	7	377	0	3	47	247	214	61	28	7	21					